TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀ ÔN** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 19-4-2024
V/v tranh chấp ly hôn, con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Phúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Ngọc Thùy

2. Ông Nguyễn Hải Nam

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Yến – Thư ký Tòa án nhân nhân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long *tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Cẩm Tú – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 418/2023/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2023 về việc: "Tranh chấp ly hôn, con chung" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2024, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Ngọc C, sinh năm 1993 "có mặt".

Địa chỉ cư trú: ấp M, xã Tích T, huyện O, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Minh T1, sinh năm 1993 "vắng mặt".

Địa chỉ cư trú: ấp P, xã Tích T, huyện O, tỉnh Vĩnh Long.

3. Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1965 "vắng mặt".

Địa chỉ cư trú: ấp M, xã Tích T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 27/11/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Phạm Thị Ngọc C trình bày: Chị và anh Nguyễn Minh T1 thành hôn vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tích T, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 31/8/2015. Thời gian chung sống được 02 năm, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, về sau

do cuộc sống không hợp nhau, bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên xảy ra tranh cải từ đố vợ chồng không hạnh phúc, vợ chồng không còn sống chung từ tháng 6 năm 2017 đến nay và chị và đã về nhà cha mẹ ruột sống. Nay đời sống chung không kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu ly hôn với anh T1.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Minh T1 có 01 con chung tên Nguyễn Phạm Khánh B, sinh ngày 03/02/2016 hiện đang sống với chị. Chị yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý đơn của chị C thì Tòa án tiến hành tống đạt thông báo thụ lý và Thông báo kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho bị đơn anh Nguyễn Minh T1 nhưng bị đơn không đến tham gia phiên họp, hòa giải và Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử nhưng bị đơn vẫn vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Minh T1.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn tỉnh Vĩnh Long phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trình tự, thủ tục tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn đã chấp hành đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn vắng mặt không lý do là vi phạm quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người làm chứng đã chấp hành đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụn dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Giải quyết cho chị Phạm Thị Ngọc C được ly hôn với anh Nguyễn Minh T1.

Về con chung: Giao con chung Nguyễn Phạm Khánh B, sinh ngày 03/02/2016 cho chị C nuôi dưỡng, anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Phạm Thị Ngọc C nộp 300.000đồng án phí ly hôn, nhưng khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí, chị C đã nộp đủ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Chị Phạm Thị Ngọc C khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Minh T1, địa chỉ: ấp Mương Điều, xã Tích T, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

- Về người tham gia tố tụng:

Bị đơn anh Nguyễn Minh T1 vắng mặt lần thứ hai mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

Người làm chứng bà Nguyễn Thị Quan có ý kiến trình bày vắng mặt . Căn cứ Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt người làm chứng.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Phạm Thị Ngọc C và anh Nguyễn Minh T1 thành hôn vào năm 2015 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tích T, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh theo giấy chứng nhận kết hôn số 64 ngày 31/8/2015 là hợp pháp và anh chị kết hôn cũng đảm bảo các điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy lời trình bày của chị C cho rằng quá trình chung sống được 02 năm, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, về sau do cuộc sống không hợp nhau, bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên xảy ra tranh cải từ đó vợ chồng không hạnh phúc, vợ chồng không còn sống chung từ tháng 6 năm 2017 đến nay nên chị C đã về nhà cha mẹ ruột sống. Nay chị yêu cầu ly hôn với anh T1. Từ đó xác định mâu thuẫn giữa chị C và anh T1 đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị C là phù hợp Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Phạm Thị Ngọc C và anh Nguyễn Minh T1 có một chung là Nguyễn Phạm Khánh B, sinh ngày 03/02/2026 hiện đang sống với chị C. Chị C yêu cầu được nuôi cháu B. Anh T1 không có ý kiến về việc nuôi con của chị C. Xét thấy từ khi ly thân đến nay cháu Băng sống với chị C cuộc sống cũng đảm bảo, cháu B là bé gái, cần sự chăm sóc của người mẹ và cháu B cũng có nguyện vọng sống với chị C nên giao con chung cho chị C nuôi dưỡng, anh T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở là phù hợp Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Phạm Thị Ngọc C là người trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh Nguyễn Minh T1 cấp dưỡng nuôi con, anh T1 cũng không có ý kiến gì nên miễn xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Phạm Thị Ngọc C và anh Nguyễn Minh T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án, sau này có phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác nên miễn xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Thị Ngọc C nộp 300.000đ án phí ly hôn theo quy định điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ so với nhận định trên nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228, 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị Ngọc C.

Xử cho chị Phạm Thị Ngọc C được ly hôn với anh Nguyễn Minh T1.

2. Về con chung:

Giao cháu Nguyễn Phạm Khánh B, sinh ngày 03/02/2016 cho chị Phạm Thị Ngọc C trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Minh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Phạm Thị Ngọc C có nghĩa vụ nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) chị C đã nộp theo biên lai thu số 0010929 ngày 14/12/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long, chị C đã nộp đủ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Trà Ôn;
- THADS huyện Trà Ôn;
- UBND xã Tích T, xã T Mỹ, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Bá Phúc